TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 24/2018/QĐHNGĐ-ST.
Ngày: 17/7/2018
V/v Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông **Bùi Đăng Huy** – Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà **Phạm Thị Thùy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung theo Quyết định mở phiên họp số 47/2018/QĐMPH-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh **D**, sinh ngày 06/7/1977.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Hàn Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1949 (theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2018).

Địa chỉ cư trú: Thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Chị **Đ**, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn xin ly hôn, giấy ủy quyền, bản tự khai của anh D gửi về từ Hàn Quốc đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc.

Anh D, chị Đ, ông T đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên TAND tỉnh Hải Dương tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, ngày 20/5/2003 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm kinh tế. Năm 2007 anh D xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Thời gian đầu anh chị vẫn liên lạc với nhau và cố gắng hòa giải mâu thuẫn nhưng không hiệu quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2015 đến nay anh chị không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai, anh D cũng không về Việt Nam. Anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Như vậy mâu thuẫn giữa anh D và chị Đ đã trầm trọng, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Anh D và chị Đ có 01 con chung là H, sinh ngày 07/8/2005, hiện đang ở với chị Đ. Anh chị thống nhất anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tuy nhiên do anh D đang ở Hàn Quốc nên anh chị thống nhất chị Đ chăm sóc con chung thay anh D cho đến khi anh D về Việt Nam đón cháu. Thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng con chung và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Chi phí chị Đ chăm sóc con chung trong thời gian anh D chưa đón con do anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[4] Về tài sản chung: Anh D và chị Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[5] Về nợ chung: Anh D và chị Đ xác định không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[6] Về lệ phí: Anh D và chị Đ thống nhất anh D chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Tại phiên họp, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh D và chị Đ. Về con chung, do anh D hiện đang ở nước ngoài nên đề nghị giao con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Đ về việc anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là H, sinh ngày 07/8/2005 đến khi đủ 18 tuổi, chị Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Công nhận sự thỏa thuận của anh D và chị Đ về việc chị Đ thay anh D chăm sóc con chung đến khi anh D về đón cháu.

3. Về lệ phí: Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Đ về việc anh D chịu cả 300.000đ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng do người đại diện theo ủy quyền của anh D là ông T đã nộp thay tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số **AA/2017/0001556 ngày 26/6/2018**. Anh D đã nộp đủ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 17/7/2018.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh HD;
- Cục THADS tỉnh HD;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa HC.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Bùi Đăng Huy